

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THĂNG BÌNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/DS-ST

Ngày: 06 – 6 - 2025

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Mỹ Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

+ ông Nguyễn Công Phúc

+ bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: ông Hồ Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng B, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông Ngô Thanh An - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thăng B, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2024/TLST - DS ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc “*Đòi lại tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Nguyễn Thị K ủy quyền cho ông Lê Văn Đ, sinh năm 1957, địa chỉ: Hẻm 136/1 N, khu phố x, thị trấn H, huyện Thăng B, tỉnh Quảng Nam theo văn bản ủy quyền ngày 23/4/2024 (có mặt).

2. Bị đơn: ông Ngô Quang B, sinh năm 1975 (có mặt) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1939 (vắng mặt). Cùng địa chỉ: khu phố X, thị trấn H, huyện Thăng B, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày: ngày 30/11/2009, ông Ngô Quang B có mượn của bà Nguyễn Thị K số tiền là 70.000.000 đồng, ông B có viết giấy mượn tiền và cam kết trả nợ khi bà K cần và báo trước cho ông B 10 ngày. Trước đó, ngày 19/4/1996 là Nguyễn Thị S là mẹ ruột ông B có vay của bà K 8.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Sau đó bà S vay tiếp 5.000.000 đồng, lãi suất 1,7%/tháng. Đến ngày 11/8/1998 bà S thống nhất tiền nợ tổng cộng là 13.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Khi mượn tiền của bà K, ông B cam kết sẽ trả hết số nợ của mẹ ông B. Số tiền bà S vay ông B đã trả được: Ngày 01/3/2010 trả tại nhà bà K

1.000.000 đồng, ngày 30/7/2010 trả tại cây xăng H 1.000.000 đồng, ngày 03/01/2011 trả tại cầu Thăng Hoa 1.000.000 đồng, ngày 10/10/2011 trả tại Hà Kiều 1.000.000 đồng, ngày 30/11/2012 trả trên đường về nhà bà K 1000.000 đồng, ngày 7/10/2013 trả tại sân bay Chu Lai 2.000.000 đồng và một vé máy bay Chu Lai đi sài gòn 1.400.000 đồng. Tổng cộng ông B đã trả cho bà K 8.400.000 đồng. Còn lại số tiền 74.600.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bà K yêu cầu ông B và bà S trả số tiền 74.600.000 đồng. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà S trả số tiền 4.600.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn ông B trả số tiền 70.000.000 đồng.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Ngô Quang B trình bày: trước năm 2009, tôi có biết bà Nguyễn Thị K vì bà K là đồng hương của mẹ tôi. Từ năm 2009, tôi có nhiều lần vay mượn tiền của bà K để buôn bán đậu, mè theo mùa. Cứ hết mỗi mùa thì tôi trả hết gốc lãi cho bà K. Tuy nhiên, khi trả nợ xong thì tôi không có viết giấy tờ để chứng minh việc trả nợ cho bà K. Hiện nay bà K khởi kiện tôi và cung cấp giấy mượn tiền vào ngày 30/11/2009 thì tôi thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền là của tôi nhưng tôi đã trả hết số tiền nợ cho bà K, tôi không còn nợ tiền của bà K nữa.

Nay bà Nguyễn Thị K yêu cầu tôi phải trả số tiền 70.000.000 đồng thì tôi không đồng ý.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng B, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K, buộc bị đơn ông Ngô Quang B có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị K và bị đơn ông Ngô Quang B là tranh chấp đòi lại tài sản xuất phát từ “Giấy mượn tiền” vào năm 2009. Bị đơn ông B có nơi cư trú tại khu phố X, thị trấn H, huyện Thăng B, tỉnh Quảng Nam. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thăng B theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị K yêu cầu ông Ngô Quang B và bà Nguyễn Thị S trả số tiền tổng cộng là 74.600.000 đồng, cụ thể ông B

70.000.000 đồng, bà S là 4.600.000 đồng, nên Toà án xác định tư cách tổ tụng của bà S là bị đơn trong vụ án. Nhưng trong quá trình làm việc nguyên đơn đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà S trả số tiền 4.600.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp và thời hiệu khởi kiện: nguyên đơn bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn ông Ngô Quang B phải trả số tiền gốc là 70.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: ông B và bà K do có mối quan hệ quen biết, nên bà K đã cho ông B vay tiền. Tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 30/11/2009, trong giấy mượn tiền ghi thời hạn trả nợ là “*Khi nào bà K cần thì báo trước tôi 10 ngày*”, không thể hiện việc thế chấp, không thể hiện lãi suất, trong giấy mượn tiền có nội dung rõ ràng, người vay ký nhận hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Điều này phù hợp với lời khai của bị đơn ông B trong quá trình giải quyết vụ án, ông B thừa nhận giữa hai bên có viết giấy mượn tiền và bị đơn là người viết và ký vào giấy vay tiền vào ngày 30/11/2009. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Hơn nữa, do quan hệ này xuất phát từ “Hợp đồng vay tài sản” nhưng đã hết thời hiệu khởi kiện của loại tranh chấp này.

Căn cứ các Điều 149, 150, 357, 429, 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao thì đây là tranh chấp “Đòi tài sản”. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn ông B đều khai nhận có viết và ký vào giấy mượn tiền vào ngày 30/11/2009; tuy nhiên ông khẳng định là đã trả xong số nợ 70.000.000 đồng cho nguyên đơn, nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, chứng minh cho việc trình bày của mình là có căn cứ; mặt khác nguyên đơn không thừa nhận như lời trình bày của bị đơn, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, chứng tỏ việc các đương sự thiết lập hợp đồng vay tài sản là có thật, khi viết giấy vay mượn tiền các bên có đủ năng lực hành vi dân sự. Nay đã quá hạn trả nợ, nhưng bị đơn không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay quy định tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K, buộc bị đơn Ngô Quang B có nghĩa vụ trả số tiền nợ 70.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền buộc phải trả cho nguyên đơn là 5% của số tiền 70.000. 000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K đối với bị đơn ông Ngô Quang B về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Buộc ông Ngô Quang B phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền gốc là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K về yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả lại số tiền 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Đương sự được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bị đơn ông Ngô Quang B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Thăng B;
- Chi cục THADS huyện Thăng B;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Trinh